

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - THĂNG LONG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ SOÁT XÉT**  
**CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2011 ĐẾN**  
**NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2011**

**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Trí Dũng	Chủ tịch
Ông Lại Việt Cường	Ủy viên
Ông Nguyễn Chí Uy	Ủy viên
Ông Nguyễn Duy Kiên	Ủy viên
Ông Vũ Anh Tuấn	Ủy viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Trí Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Cao Châu Tuệ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lại Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Việt Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đỗ Việt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Chí Uy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Vũ Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm 08/04/2011)

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

---

**Trần Việt Sơn**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Ngày 15 tháng 08 năm 2011

## BÁO CÁO SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 của Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 cùng với các báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 của Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 15 tháng 08 năm 2011 từ trang 4 đến trang 24 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và của Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc soát xét.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Ý kiến**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

\_\_\_\_\_  
**Khúc Đình Dũng**  
**Tổng Giám đốc**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0748/KTV  
Ngày 15 tháng 08 năm 2011

\_\_\_\_\_  
**Phạm Tiến Dũng**  
**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0747/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MÃU B 01 - DN  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.960.183.760.039</b>	<b>2.944.508.249.177</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>27.531.815.910</b>	<b>178.914.390.330</b>
1. Tiền	111	V.1	27.531.815.910	178.914.390.330
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>240.591.019.080</b>	<b>660.968.165.739</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		240.591.019.080	660.968.165.739
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.261.228.077.524</b>	<b>1.526.728.384.138</b>
1. Phải thu khách hàng	131		197.838.529.253	201.397.605.440
2. Trả trước cho người bán	132		1.025.896.740.015	1.282.564.875.903
5. Các khoản phải thu khác	135		38.494.477.146	42.765.902.795
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.001.668.890)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.3</b>	<b>267.410.800.125</b>	<b>276.538.968.839</b>
1. Hàng tồn kho	141		267.410.800.125	276.538.968.839
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>163.422.047.400</b>	<b>301.358.340.131</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.557.971.298	543.951.239
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	4.993.790.933
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4	152.864.076.102	295.820.597.959
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.745.358.520.131</b>	<b>2.598.510.316.577</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.794.085.699.746</b>	<b>1.742.387.105.801</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	338.796.969.278	374.144.511.715
- Nguyên giá	222		476.850.326.054	476.059.336.699
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(138.053.356.776)	(101.914.824.984)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	25.916.478.522	26.324.280.402
- Nguyên giá	228		27.779.380.858	27.779.380.858
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.862.902.336)	(1.455.100.456)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	1.429.372.251.946	1.341.918.313.684
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>651.604.070.411</b>	<b>548.432.282.724</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.8	61.313.656.221	61.313.656.221
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.9	434.052.750.503	435.802.750.503
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	178.131.263.687	51.315.876.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(21.893.600.000)	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>299.668.749.974</b>	<b>307.690.928.052</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	178.347.649.974	156.860.928.052
3. Tài sản dài hạn khác	268		121.321.100.000	150.830.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>4.705.542.280.170</b>	<b>5.543.018.565.754</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MÃU B 01 - DN  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>4.482.661.063.149</b>	<b>5.317.649.364.135</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.567.428.440.429</b>	<b>2.786.785.222.857</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	1.053.475.417.883	1.484.563.487.800
2. Phải trả người bán	312		71.119.845.610	217.270.127.495
3. Người mua trả tiền trước	313		1.335.820.196.101	181.676.144.228
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	23.617.902.775	19.978.567.066
5. Phải trả người lao động	315		9.486.875.411	9.619.133.282
6. Chi phí phải trả	316	V.14	13.285.643.260	82.565.675.501
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		55.293.074.408	791.112.087.485
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.329.484.981	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.915.232.622.720</b>	<b>2.530.864.141.278</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	1.914.969.335.145	2.438.568.909.166
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		263.287.575	263.287.575
8. Doanh thu ghi nhận trước	338		-	92.031.944.537
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>222.881.217.021</b>	<b>225.369.201.619</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>222.881.217.021</b>	<b>225.369.201.619</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.428.383.946	2.033.728.434
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		19.327.489.489	6.082.195.628
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		44.125.343.586	67.253.277.557
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>4.705.542.280.170</b>	<b>5.543.018.565.754</b>

Trần Việt Sơn  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Ngày 15 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Đình Thuận  
 Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến 30 tháng 6 năm 2011

MẪU B 02 - DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.054.614.755.862	862.530.849.225
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		18.998.761	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.054.595.757.101	862.530.849.225
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	908.321.125.732	769.892.037.750
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		146.274.631.369	92.638.811.475
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	20.057.411.815	7.246.826.561
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	81.152.816.667	33.817.632.286
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		56.032.732.092	33.817.632.286
8. Chi phí bán hàng	24		8.124.097.062	10.437.658.218
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		29.373.927.138	22.179.152.469
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		47.681.202.317	33.451.195.063
11. Thu nhập khác	31		263.810.275	18.597.825.103
12. Chi phí khác	32		28.078.415.854	18.502.798.367
13. Lợi nhuận khác	40		(27.814.605.579)	95.026.736
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.866.596.738	33.546.221.799
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		5.741.253.152	7.079.085.153
16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.125.343.586	26.467.136.646

Trần Việt Sơn  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Đình Thuận  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Phương pháp trực tiếp)**  
 Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến 30 tháng 6 năm 2011

MẪU B 03 - DN  
 Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	1.305.423.530.386	506.450.104.761
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(497.266.703.096)	(775.282.816.438)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(20.598.777.464)	(14.896.611.199)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(181.393.114.142)	(45.707.137.211)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(14.379.140.142)	(3.335.188.317)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	822.731.960.464	1.105.845.875.557
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(637.596.000.800)	(1.494.864.848.184)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>776.921.755.206</b>	<b>(721.790.621.031)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(1.459.339.781)	(55.899.947.404)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn	22	244.810.275	60.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.250.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.781.736.661	6.298.174.705
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(10.026.537.511)</b>	<b>(223.576.332.845)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	244.092.829.010	1.194.399.673.178
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.162.370.621.125)	(216.521.671.800)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(20.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(918.277.792.115)</b>	<b>957.878.001.378</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(151.382.574.420)</b>	<b>12.511.047.502</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>178.914.390.330</b>	<b>45.248.940.069</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>27.531.815.910</b>	<b>57.759.987.571</b>

Trần Việt Sơn  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Ngày 15 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Đình Thuận  
 Kế toán trưởng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (“Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014906 ngày 05 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty được sửa đổi 10 lần. Lần sửa đổi cuối cùng là ngày 09 tháng 08 năm 2010.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi đến thời điểm lập báo cáo này số vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 đồng.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Đầu tư kinh doanh các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị;
- Đầu tư kinh doanh các công trình thủy điện vừa và nhỏ;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, công trình cấp thoát nước, công trình đường dây và trạm biến áp;
- Sản xuất, mua bán vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị máy móc xây dựng (không tái chế phế thải, luyện kim, đúc, xi mạ điện);
- Vận tải vật tư, thiết bị ngành xây dựng và công nghiệp;
- Sản xuất, mua bán điện;
- Trồng rừng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh;
- Mua bán thiết bị máy công nghiệp, nguyên vật liệu sản xuất ngành công nghiệp và các thiết bị ngành xây dựng;
- Khai thác mỏ lộ thiên, khai thác và chế biến khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm); khoan tạo lỗ; khoan cọc nhồi và xử lý nền móng;
- Đầu tư, kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Trang trí nội, ngoại thất;
- Sản xuất bê tông thương phẩm và cấu kiện bê tông;
- Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị máy móc ngành xây dựng, đồ trang trí nội ngoại thất;
- Tư vấn đầu tư xây dựng; chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin;
- Mua bán, lắp đặt thiết bị công nghệ thông tin, viễn thông, tự động hoá;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu và dầu mỡ phụ;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm hàng hoá công ty kinh doanh;
- Kinh doanh các loại dịch vụ phục vụ khu đô thị, khu công nghiệp;
- Dịch vụ nhận ủy thác đầu tư;
- Dịch vụ quảng cáo;
- Lập dự án đầu tư các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A;
- Lập dự toán, thẩm định dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, giao thông, hạ tầng kỹ thuật đến nhóm A;
- Quản lý dự án công trình xây dựng dân dụng, giao thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị đến nhóm A;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản gồm: Tư vấn bất động sản, quản lý bất động sản, quảng cáo bất động sản, sàn giao dịch bất động sản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và được sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT - BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**Các ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Trị giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	06 - 20
Máy móc và thiết bị	03 - 19
Phương tiện vận tải	05 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản	03 - 07

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản Đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản Đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản Đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản Đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá Đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá Đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản Đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm

Chi phí trả trước dài hạn còn bao gồm tiền thuê đất của Văn phòng Công ty và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê là 50 năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - THĂNG LONG**

Khu đô thị mới Văn Khê, Phường La Khê

Quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động

từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền**

	<b>30/6/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	8.406.328.611	430.845.452
Tiền gửi ngân hàng	19.125.487.299	178.483.544.878
	<b>27.531.815.910</b>	<b>178.914.390.330</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<b>30/6/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>		
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	-	9.166.580
Công ty CP Sông Đà Thăng Long F	33.602.091.166	26.562.949.067
Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	18.000.000.000	503.146.925.819
Ngân hàng TMCP Quân Đội	20.069.233.414	-
Ngân hàng TMCP Đại Á	25.850.000.000	-
<b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>		
Công ty CP Thép Thăng Long Kansai	120.290.833.420	120.290.833.420
Công ty CP Thương mại và Đầu tư Vinh Phát	15.258.290.853	10.958.290.853
Công ty Cổ phần Thăng Long Sài Gòn	7.520.570.227	-
	<b>240.591.019.080</b>	<b>660.968.165.739</b>

**3. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	6.185.545.206	3.402.926.515
Công cụ, dụng cụ	8.501.089.892	1.227.518.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	250.339.672.138	268.975.464.151
Thành phẩm	1.449.157.608	384.055.000
Hàng hóa	-	2.549.005.173
Hàng gửi đi bán	935.335.281	-
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>267.410.800.125</b>	<b>276.538.968.839</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>267.410.800.125</b>	<b>276.538.968.839</b>

**4. Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng thi công	140.813.846.108	291.708.172.088
Cầm cố, kỹ quỹ, ký cược ngắn hạn	12.050.229.994	4.112.425.871
	<b>152.864.076.102</b>	<b>295.820.597.959</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ THĂNG LONG**

Khu đô thị mới Văn Khê, Phường La Khê  
 Quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động  
 từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận tải VND</b>	<b>Thiết bị dụng cụ quản lý VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2011	<b>21.222.524.822</b>	<b>418.208.887.391</b>	<b>25.333.597.004</b>	<b>3.381.191.019</b>	<b>7.913.136.463</b>	<b>476.059.336.699</b>
Mua trong kỳ	227.000.000	210.100.000	-	243.890.810	68.344.000	749.334.810
Tăng khác	-	4.742.774.427	7.177.856.273	102.479.299	523.757.933	12.546.867.932
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(46.345.455)	-	(46.345.455)
- Giảm khác	(1.081.653.824)	-	(10.420.093.117)	(921.120.991)	(36.000.000)	(12.458.867.932)
<b>Tại ngày 30/06/2011</b>	<b>20.367.870.998</b>	<b>423.161.761.818</b>	<b>22.091.360.160</b>	<b>2.760.094.682</b>	<b>8.469.238.396</b>	<b>476.850.326.054</b>
<b>KHẤU HAO</b>						
Tại ngày 01/01/2011	<b>2.045.498.352</b>	<b>92.397.842.537</b>	<b>3.412.693.395</b>	<b>1.169.090.024</b>	<b>2.889.700.676</b>	<b>101.914.824.984</b>
Khấu hao trong kỳ	1.126.025.715	32.363.728.670	1.519.082.560	372.669.250	761.254.434	36.142.760.629
Tăng khác	152.767.924	2.180.304	364.303.830	66.166.117	790.124.725	1.375.542.900
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(3.862.122)	-	(3.862.122)
Giảm khác	-	(772.871.095)	(426.048.650)	(159.678.759)	(17.311.111)	(1.375.909.615)
<b>Tại ngày 30/06/2011</b>	<b>3.324.291.991</b>	<b>123.990.880.416</b>	<b>4.870.031.135</b>	<b>1.444.384.510</b>	<b>4.423.768.724</b>	<b>138.053.356.776</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2011	<b>19.177.026.470</b>	<b>325.811.044.854</b>	<b>21.920.903.609</b>	<b>2.212.100.995</b>	<b>5.023.435.787</b>	<b>374.144.511.715</b>
Tại ngày 30/06/2011	<b>17.043.579.007</b>	<b>299.170.881.402</b>	<b>17.221.329.025</b>	<b>1.315.710.172</b>	<b>4.045.469.672</b>	<b>338.796.969.278</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**6. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Giấy phép nhượng quyền VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2011	21.114.000.000	6.552.132.038	113.248.820	27.779.380.858
<b>Tại ngày 30/06/2011</b>	<b>21.114.000.000</b>	<b>6.552.132.038</b>	<b>113.248.820</b>	<b>27.779.380.858</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2011	1.055.700.000	333.673.384	65.727.072	1.455.100.456
Khấu hao trong kỳ	217.464.882	182.003.664	8.333.334	407.801.880
<b>Tại ngày 30/06/2011</b>	<b>1.273.164.882</b>	<b>515.677.048</b>	<b>74.060.406</b>	<b>1.862.902.336</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2011	20.058.300.000	6.218.458.654	47.521.748	26.324.280.402
<b>Tại ngày 30/06/2011</b>	<b>19.840.835.118</b>	<b>6.036.454.990</b>	<b>39.188.414</b>	<b>25.916.478.522</b>

**7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/6/2011 VND	01/01/2011 VND
DA chung cư tại Phường Tân Kiểng, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh	283.257.467.468	283.112.083.468
Dự án Khu đô thị biển An Viên, tp Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	225.859.696.612	195.632.763.298
DA khách sạn, Lý Thường Kiệt, Tp Huế	214.563.844.185	192.598.763.080
DA chung cư cao cấp Sao Mai tại đường 77, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh	142.457.323.280	140.544.121.047
DA khách sạn tại 3B Phan Đình Phùng, Hà Nội	139.970.099.034	139.970.099.034
DA chung cư Phú Xuân, Tp Hồ Chí Minh	96.962.218.213	95.998.974.773
DA khu dân cư Đường Nguyễn Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	97.500.869.539	95.975.198.543
DA tại đường Yên Thế, Tp Hồ Chí Minh	57.784.008.250	57.784.008.250
Dự án khu công nghiệp bờ trái Hòa Bình	57.202.635.977	43.412.933.948
DA353/8 Nguyễn Trọng Tuyển	27.483.735.363	25.000.000.000
Dự án Cồn Tân Lập, Thành phố Nha Trang	32.849.435.873	23.021.430.874
DA biệt thự tại TP. Đà Lạt - Tỉnh Lâm	24.720.701.117	19.885.237.144
Dự án Bắc Trần Hưng Đạo - Hòa Bình	19.327.474.914	19.026.258.806
DA Khu đô thị mới Phú Lãm, Hà Đông,	4.103.554.030	4.103.554.030
DA khu dân cư số 1 Đà Lạt	2.500.667.255	595.259.199
Dự án Khách sạn Phú Yên	860.408.622	177.582.643
Dự án khách sạn Hòa Bình	233.379.530	-
Mua sắm TSCĐ	100.481.602	4.840.045.547
Khác	1.634.251.082	240.000.000
	<b>1.429.372.251.946</b>	<b>1.341.918.313.684</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - THĂNG LONG**

Khu đô thị mới Văn Khê, Phường La Khê

Quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động

từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****8. Đầu tư vào công ty con**

	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ biểu quyết	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Truyền thông Thăng Long	93,22%	93,22%	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty Tư vấn Franken Nguyễn	48,85%	51,00%	1.313.656.221	1.313.656.221
Công ty Cổ phần Thăng Long Sài Gòn	74,47%	74,47%	49.000.000.000	49.000.000.000
			<b>61.313.656.221</b>	<b>61.313.656.221</b>

**9. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty CP Sông Đà Bình Phước	20%	20%	14.000.000.000	14.000.000.000
Công ty CP Sông Đà - Nha Trang	20%	20%	51.982.000.000	51.982.000.000
Công ty CP Sông Đà - Thăng Long M	25%	25%	-	5.000.000.000
Công ty CP Bất động sản Thăng Long	40%	40%	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty CP Địa ốc Đất Vàng Việt	20%	20%	12.200.000.000	12.200.000.000
Công ty CP Sông Đà 207	21%	21%	30.850.000.000	29.700.000.000
Công ty CP Sông Đà Việt Hà	20%	20%	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty CP Sông Đà Thăng Long F	35%	35%	4.320.000.000	4.320.000.000
Công ty TNHH KDTM dịch vụ Thăng Long	39%	39%	780.000.000	780.000.000
Công ty CP Sông Đà 1	38%	38%	22.970.500.000	22.970.500.000
Công ty CP Nền móng Sông Đà Thăng Long	30%	30%	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty CP Đầu tư phát triển Thăng Long	20%	20%	21.000.000.000	21.000.000.000
Công ty CP Thép Thăng Long Kansai	49%	49%	174.850.250.503	172.850.250.503
Công ty CP Khoáng sản Thăng Long	40%	40%	1.100.000.000	1.000.000.000
			<b>434.052.750.503</b>	<b>435.802.750.503</b>

**10. Đầu tư dài hạn khác**

	30/6/2011 VND	01/01/2011 VND
<b>Đầu tư cổ phiếu, trái phiếu</b>		
Công ty Du lịch TM Thuận Phú	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty CP Sông Đà 11 - Thăng Long	7.128.000.000	7.128.000.000
Công ty Tài Chính CP Sông Đà	31.187.876.000	31.187.876.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		
Trường Tiểu học Chu Văn An	10.473.899.687	5.000.000.000
Trường mầm non Sao Khuê	6.841.488.000	3.000.000.000
Công ty CP Sông Đà Thăng Long M	5.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và phát triển Văn Phong	1.500.000.000	-
Công ty CP 353	111.000.000.000	-
	<b>178.131.263.687</b>	<b>51.315.876.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****11. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>30/6/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí công cụ dụng cụ phục vụ xây lắp	166.634.785.727	124.478.000.304
Chi phí khác	11.712.864.247	32.382.927.748
	<b>178.347.649.974</b>	<b>156.860.928.052</b>

**12. Vay và nợ ngắn hạn**

		<b>30/6/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
NH NN&PTNT Bắc Hà Nội	(i)	85.569.916.000	126.628.885.917
Ngân hàng Quân Đội - CN Mỹ Đình	(ii)	210.989.000.000	210.593.000.000
Ngân hàng An Bình	(iii)	186.240.000.000	248.195.700.000
Ngân hàng Sài Gòn - Hà Nội	(iv)	320.000.000.000	320.000.000.000
Ngân hàng Đại Á	(v)	58.676.501.883	68.470.501.883
Công ty Cổ phần Sông Đà Nha Trang		-	5.800.000.000
Công ty tài chính CP Sông Đà		180.000.000.000	504.875.400.000
Ngân hàng TMCP ACB - CN Cộng Hoà		10.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP ACB - CN Lâm đồng		2.000.000.000	-
		<b>1.053.475.417.883</b>	<b>1.484.563.487.800</b>

**Chi tiết các hợp đồng vay ngắn hạn như sau:****(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Hà Nội:**

- Hợp đồng tín dụng số 1440-LAV - 201000739 ngày 31/5/2010 với thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và chịu lãi suất theo lãi suất thị trường. Khoản vay trên được dùng để thanh toán chi phí văn phòng, nguyên vật liệu cho các nhà thầu. Tổng giá trị hợp đồng là 82,5 tỷ đồng;
- Hợp đồng tín dụng số 1440-LAV - 200900678 ngày 31/3/2009 với thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và chịu lãi suất theo lãi suất thị trường. Khoản vay trên được dùng để thanh toán chi phí liên quan đến đầu tư xây dựng Toà nhà CT4 - 108 Dự án KĐT mới Văn Khê. Tổng giá trị hợp đồng là 123 tỷ đồng.

**(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Mỹ Đình theo hợp đồng tín dụng số 107.10.011.462999.TD ngày 23/6/2010. Khoản vay trên được dùng để bổ sung vốn để thực hiện thanh toán các chi phí xây lắp công trình CT2 - KĐT Văn Khê mở rộng. Tổng giá trị hợp đồng là 350 tỷ đồng.****(iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 11/10/HDTD -TM - HM/II.10 ngày 09/06/2010 với thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên và chịu lãi suất theo thông báo của Ngân hàng. Khoản vay trên được dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công Dự án Usilk City. Tổng giá trị hợp đồng là 300 tỷ đồng với tài sản thế chấp là tòa nhà 104 -CT1 thuộc dự án Usilk City hình thành trong tương lai.**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**12. Vay và nợ ngắn hạn**

(iv) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn Số 412/HDTDNH - PN/SHB/SĐTL ngày 28/9/2010 với thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên và chịu lãi suất theo thông báo của Ngân hàng. Khoản vay trên được dùng để thanh toán các hạng mục đã thi công và tạm ứng cho các hợp đồng đang thi công của Dự án Văn Khê mở rộng. Tổng giá trị hợp đồng là 350 tỷ đồng.

(v) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đại Á theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số CK10/0087/TPHN ngày 25/8/2010 với thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên và chịu lãi suất theo thông báo của Ngân hàng. Khoản vay trên được dùng để thanh toán các chi phí xây dựng và chi phí thiết bị cho các toà nhà 101, 102, 103 cụm CT1 Dự án Usilk City tại Văn Khê, Hà Đông, Hà Nội. Tổng giá trị hợp đồng là 70 tỷ đồng với tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bất động sản tại KĐT mới Văn Khê và tài sản gắn liền trên đất số BA 495726.

**13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	<b>30/6/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế GTGT	21.475.420.028	2.633.369.857
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.541.456	11.108.406.646
Thuế thu nhập cá nhân	870.873.173	1.957.464.549
Các loại thuế khác	1.270.068.118	4.279.326.014
	<b>23.617.902.775</b>	<b>19.978.567.066</b>

**14. Chi phí phải trả**

	<b>30/6/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí dự án	8.401.864.598	20.113.178.387
Chi phí lãi vay phải trả	1.335.453.058	59.522.432.556
Chi phí bốc dỡ thép và lưu kho bãi	1.427.251.372	2.930.064.558
Chi phí phải trả khác	2.121.074.232	-
	<b>13.285.643.260</b>	<b>82.565.675.501</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****15. Vay và nợ dài hạn**

		<b>30/6/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng NN&PTNT Bắc HN	(i)	1.030.900.000	18.398.579.099
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	(ii)	36.435.724.235	48.507.470.679
Ngân hàng TMCP Đại Á	(iii)	30.000.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng liên doanh Việt Lào		2.508.500.000	-
Công ty Tài chính CP Điện Lực	(iv)	138.174.959.600	304.041.984.500
Ngân hàng Quân Đội - CN Mỹ Đình	(v)	106.819.251.310	95.656.200.000
Ngân hàng An Bình		-	20.000.000.000
Công ty TNHH ĐT BĐS Anh Phương		-	10.000.000.000
Vay vốn các cá nhân		-	311.964.674.888
Trái phiếu công ty	(vi)	1.600.000.000.000	1.600.000.000.000
		<b>1.914.969.335.145</b>	<b>2.438.568.909.166</b>

**Chi tiết các hợp đồng vay dài hạn như sau:**

- (i) Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 1440-LAV - 200900868 ngày 12/05/2009, với thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và chịu lãi suất theo lãi suất thị trường. Khoản vay trên được dùng để thanh toán các chi phí thuộc dự án đầu tư máy khoan cọc nhồi phục vụ thi công Dự án KĐT Văn Khê mở rộng. Tổng giá trị hợp đồng là 27 tỷ đồng, với tài sản thế chấp là giá trị máy móc thiết bị thuộc Dự án đầu tư máy khoan cọc nhồi phục vụ thi công Dự án KĐT Văn Khê mở rộng được hình thành từ vốn vay theo hợp đồng tín dụng này.
- (ii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 1085/HDTD/TH-PN/TCB ngày 13/3/2009 với thời hạn vay 3 năm, kể từ ngày giải ngân đầu tiên và chịu lãi suất theo lãi suất thị trường. Khoản vay này được dùng để mua máy khoan cọc nhồi và được đảm bảo bởi tài sản được hình thành từ vốn vay.
- (iii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đại Á theo hợp đồng tín dụng số CK 10/0088/TPHN ngày 25/8/2010 với thời hạn vay là 18 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên và chịu lãi suất theo thông báo của Ngân hàng. Khoản vay trên được dùng để thanh toán các chi phí xây dựng và chi phí thiết bị cho các toà nhà 101, 102, 103 cụm CT1 Dự Án Usilk city tại Văn Khê, Hà Đông, Hà Nội. Tổng giá trị hợp đồng là 30 tỷ đồng, với tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bất động sản tại KĐT mới Văn Khê và tài sản khác gắn liền với đất số BA 495726.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**15. Vay và nợ dài hạn (tiếp)**

(iv) Vay dài hạn từ Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực:

- Hợp đồng tín dụng số 0035/2009/HDTD - TH - DN/TCĐL ngày 03/08/2009 với thời hạn vay là 5 năm, kể từ ngày giải ngân đầu tiên và chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được dùng để thanh toán chi phí nhập khẩu máy, thiết bị cho dự án "Đầu tư thiết bị thi công tường vây dự án KĐT Văn Khê mở rộng". Tổng giá trị hợp đồng là 11,608 triệu đồng, với tài sản thế chấp là tài sản được hình thành từ vốn vay;
- Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 52/2009/HDTD - TH - DN/TCĐL ngày 03/08/2009 với thời hạn vay là 3 năm, kể từ ngày giải ngân đầu tiên và chịu lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được dùng để thanh toán chi phí xây lắp thiết bị, chi phí XDCB khác cho KĐT CT1 thuộc dự án Usilk City. Tổng giá trị hợp đồng là 300 tỷ đồng, với tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất dự án Usilk city và các công trình cơ sở hạ tầng gắn liền với đất hình thành bằng vốn vay đầu tư huy động.

(v) Vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình

- Hợp đồng tín dụng số 9.09.011.462999.TD ngày 25/11/2009, với thời hạn vay là 3 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và chịu lãi suất theo lãi suất thông báo của Ngân hàng. Khoản vay này được dùng để thanh toán tiền mua 04 lô đất biệt thự 14,16,18,20 đường Lý Thường Kiệt - TP Huế theo quyết định đấu giá của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 29/10/2009. Tổng giá trị hợp đồng là 120 tỷ đồng, với tài sản thế chấp là tài sản trên đất và 04 lô đất 14,16,18,20 tại đường Lý thường Kiệt - Tp. Huế;
- Hợp đồng tín dụng số 106.10.011.462999.TD ngày 19/7/2010, với thời hạn vay là 5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và chịu lãi suất theo lãi suất thông báo của Ngân hàng. Khoản vay này được dùng để bổ sung vốn phục vụ cho việc thanh toán chi phí mua sắm, lắp đặt thiết bị: 06 cầu tháp, 04 cần bơm bê tông, 08 vận thăng đơn thuộc dự án nâng cao thiết bị năm 2010. Tổng giá trị hợp đồng là 122 tỷ đồng, với tài sản thế chấp là tài sản được hình thành từ vốn vay.

(vi) Trái phiếu phát hành với thời hạn 36 tháng, lãi suất điều chỉnh 1 năm 1 lần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**16. Vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Tại 01/01/2010</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>16.000.000.000</b>	<b>6.933.728.434</b>	<b>5.089.365.570</b>	<b>37.587.324.284</b>	<b>165.610.418.288</b>
Tăng vốn	50.000.000.000	(16.000.000.000)	(14.000.000.000)	-	(20.000.000.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	67.253.277.557	67.253.277.557
Trích các quỹ	-	-	9.100.000.000	5.000.000.000	(14.100.000.000)	-
Giảm khác	-	-	-	(4.007.169.942)	(486.000.000)	(4.493.169.942)
Chi các quỹ	-	-	-	-	(3.001.324.284)	(3.001.324.284)
<b>Tại 01/01/2011</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.033.728.434</b>	<b>6.082.195.628</b>	<b>67.253.277.557</b>	<b>225.369.201.619</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	14.125.343.586	14.125.343.586
Trích các quỹ	-	-	7.394.655.512	14.789.311.023	(37.253.277.557)	(15.069.311.022)
Giảm khác	-	-	-	(1.544.017.162)	-	(1.544.017.162)
<b>Tại 30/06/2011</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>9.428.383.946</b>	<b>19.327.489.489</b>	<b>44.125.343.586</b>	<b>222.881.217.021</b>

Trong năm 2011, Công ty trích các Quỹ và chi cổ tức theo Nghị quyết số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ của Công ty ngày 23 tháng 4 năm 2011. Theo đó, Công ty trả cổ tức với tỷ lệ 20% vốn điều lệ (tương đương 30 tỷ đồng), trích lập Quỹ đầu tư phát triển 20%, trích Quỹ dự phòng tài chính 40%, trích kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là 280 triệu đồng và trích Quỹ khen thưởng phúc lợi là 14.789.311.022 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.054.614.755.862</b>	<b>862.530.849.225</b>
Trong đó		
Doanh thu KDTM và cung cấp dịch vụ	234.817.090.440	109.913.109.494
Doanh thu kinh doanh bất động sản	812.320.061.240	509.616.532.613
Doanh thu hoạt động xây lắp	4.073.954.304	48.604.580.689
Doanh thu khác	3.403.649.878	194.396.626.429
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>18.998.761</b>	<b>-</b>
Trong đó		
- Giảm giá hàng bán	18.998.761	-
	<b>1.054.595.757.101</b>	<b>862.530.849.225</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Giá vốn KDTM và cung cấp dịch vụ	238.392.071.495	108.804.755.799
Giá vốn kinh doanh Bất động sản	663.647.071.270	424.321.917.972
Giá vốn hoạt động xây lắp	2.899.331.850	42.368.737.550
Giá vốn khác	3.382.651.117	194.396.626.429
	<b>908.321.125.732</b>	<b>769.892.037.750</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.895.689.362	1.983.924.705
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.460.530.556	4.314.250.000
Lãi chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	219.434.453	948.651.856
Doanh thu hoạt động tài chính khác	481.757.444	-
	<b>20.057.411.815</b>	<b>7.246.826.561</b>

**4. Chi phí hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lãi tiền vay	56.032.732.092	33.817.632.286
Lỗ chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	3.226.484.575	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	21.893.600.000	-
<b>Cộng</b>	<b>81.152.816.667</b>	<b>33.817.632.286</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

Giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011</b>	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu</b>		
Công ty CP Nền móng Sông Đà Thăng Long	-	205.805.592.539
Công ty CP Sông Đà - Bình Phước	13.560.169.662	9.706.918.008
Công ty CP Sông Đà - Nha Trang	39.912.350.885	7.695.137.731
Công ty CP Sông Đà Việt Hà	20.163.245.746	11.026.524.227
Công ty CP Sông Đà 207	12.619.879.875	9.411.747.776
Công ty CP Sông Đà 1	15.804.079.297	4.038.222.067
Công ty Đầu tư phát triển Thăng Long	44.123.047.907	375.622.787
	<b>146.182.773.372</b>	<b>42.254.172.596</b>
<b>Mua hàng</b>		
Công ty CP Sông Đà - Bình Phước	17.258.938.309	26.595.867.775
Công ty CP Sông Đà - Nha Trang	6.522.649.376	11.504.501.004
Công ty CP Sông Đà Thăng Long M	-	14.124.766.776
Công ty CP Sông Đà Thăng Long F	-	1.740.082.927
Công ty CP Sông Đà Việt Hà	30.864.476.783	12.204.606.119
Công ty CP Sông Đà 207	9.959.437.762	72.819.097.317
Công ty CP TNHH KD DV TM Thăng Long	20.000.000	2.736.690.493
Công ty CP Địa ốc Đất Vàng Việt	1.565.171.000	2.624.384.974
Công ty CP Nền móng Sông Đà Thăng Long	3.900.251.259	54.818.961.018
Công ty CP Thép Thăng Long Kanssai	43.677.135.530	-
	<b>113.768.060.019</b>	<b>138.988.921.918</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - THĂNG LONG**

Khu đô thị mới Văn Khê, Phường La Khê

Quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ đoạn hoạt động  
từ 01/01/2011 đến 30/06/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)**

	<b>30/06/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty TNHH Tư vấn Franken Nguyễn	10.027.582.532	5.139.026.000
Công ty CP Sông Đà - Bình Phước	31.502.215.292	34.282.846.288
Công ty CP Sông Đà - Nha Trang	120.671.924	100.000.000.000
Công ty CP Bất động sản Thăng Long	-	5.624.098.571
Công ty CP Sông Đà Thăng Long M	-	19.906.861.794
Công ty CP Sông Đà Thăng Long F	124.313.033.284	85.275.596.114
Công ty CP Sông Đà Việt Hà	49.139.262.324	33.239.956.329
Công ty CP Địa ốc Đất Vàng Việt	-	82.396.851.119
Công ty CP TNHH KD DVTM Thăng Long	25.493.341.000	24.841.509.000
Công ty CP Sông Đà 1	72.290.039.292	58.182.080.696
Công ty Đầu tư Phát triển Thăng Long	83.150.176.156	42.716.453.156
Công ty CP Nền móng Sông Đà Thăng Long	76.481.078.179	44.021.005.163
Công ty CP Thép Thăng Long Kanssai	182.079.940.723	86.088.996.686
Công ty CP Thăng Long Sài Gòn	7.520.570.227	-
Công ty CP Sông Đà 207	3.954.448.147	-
	<b>666.072.359.080</b>	<b>621.715.280.916</b>
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty CP đầu tư và truyền thông Thăng Long	6.556.227.955	11.603.670.111
Công ty TNHH Tư vấn Franken Nguyễn	-	201.407.768
Công ty CP Thăng Long Sài Gòn	-	200.000.000
Công ty CP Sông Đà - Bình Phước	-	807.743.272
Công ty CP Sông Đà - Nha Trang	-	247.225.061.300
Công ty CP Sông Đà Việt Hà	-	58.877.081.615
Công ty CP Sông Đà 207	-	46.490.307.723
Công ty CP Địa ốc Đất Vàng Việt	-	1.589.870.500
Công ty CP Sông Đà 1	-	6.674.065.455
Công ty Đầu tư Phát triển Thăng Long	-	12.480.244.890
Công ty CP Nền móng Sông Đà Thăng Long	-	44.928.927.684
	<b>6.556.227.955</b>	<b>431.078.380.318</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**2. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2011 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

**3. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu tương ứng trên Báo cáo tài chính đã được soát xét cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010.

---

**Trần Việt Sơn**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
*Ngày 15 tháng 08 năm 2011*

---

**Nguyễn Đình Thuận**  
**Kế toán trưởng**